

Số: 940/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên**  
**Học kỳ 1 - Năm học 2024-2025 (đợt 1)**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐTĐHCNTT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Thông tin;

Căn cứ Biên bản họp xét miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, chính sách học bổng và hỗ trợ chi phí đồ dùng học tập cho sinh viên khuyết tật, hỗ trợ chi phí đồ dùng học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số hộ nghèo/hộ cận nghèo, học kỳ 1 năm học 2024-2025 (đợt 1) ngày 26 tháng 8 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay thực hiện miễn, giảm học phí học kỳ 1, năm học 2024-2025 (đợt 1) cho 90 sinh viên có tên theo danh sách đính kèm.

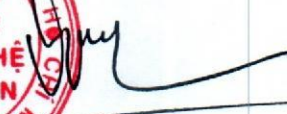
**Điều 2.** Sinh viên được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Trưởng Phòng Công tác Sinh viên, Phòng Kế hoạch Tài chính, các Phòng, Khoa có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**Nguyễn Tấn Trần Minh Khang**



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIÁM HỌC PHÍ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025 (ĐỢT 1)**  
(Đính kèm theo Quyết định số 910 /QĐ-ĐHCNTT ngày 28 tháng 8 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

| STT | MSSV     | Họ tên                | Lớp        | Đối tượng                                                                                                                                     | Tỉ lệ Miễn (giảm) |
|-----|----------|-----------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1   | 21520097 | Trần Siêu             | KHMT2021   | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 2   | 21520308 | Lê Trung Kiên         | MMTT2021   | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN                                                                                                                         | 50%               |
| 3   | 21520935 | Phan Quốc Huy         | MMTT2021   | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 4   | 21521031 | Lê Quốc Kiệt          | CNTT2021   | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 5   | 21521335 | Phù Đức Quân          | KTPM2021   | Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo                                                                                                 | 100%              |
| 6   | 21521360 | Trần Phước Anh Quốc   | PMCL2021.1 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 7   | 21521776 | Chu Văn Cường         | KTPM2021   | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |
| 8   | 21521778 | Huỳnh Thanh Nguyên    | KTMT2021   | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |
| 9   | 21521779 | Trương Văn Quốc       | CNTT2021   | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |
| 10  | 21521780 | Hứa Văn Sương         | CNTT2021   | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |
| 11  | 21521886 | Nguyễn Thiện Bảo Châu | CTTT2021   | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN                                                                                                                         | 50%               |
| 12  | 21521894 | Ma Văn Chương         | CNTT2021   | Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo                                                                                                 | 100%              |
| 13  | 21521896 | Nguyễn Minh Công      | HTCL2021   | Sinh viên khuyết tật                                                                                                                          | 100%              |
| 14  | 21521954 | Hà Thị Hồng Diệu      | TMDT2021   | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 15  | 21521968 | Trần Nhật Đức         | KHCL2021.2 | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN                                                                                                                         | 50%               |
| 16  | 21522003 | Nguyễn Khánh Duy      | CNTT2021   | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |



| STT | MSSV     | Họ tên                 | Lớp        | Đối tượng                                                                                                                                     | Tỉ lệ Miễn (giảm) |
|-----|----------|------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 17  | 21522074 | Lý Gia Hiếu            | TMCL2021   | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 18  | 21522105 | Nông Hồng Hoạt         | MTCL2021   | Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo                                                                                                 | 100%              |
| 19  | 21522165 | Thị Vĩnh Huy           | KHCL2021.2 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 20  | 21522178 | Sơn Men Kải            | CNTT2021   | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 21  | 21522244 | Hà Đình Kiên           | CNTT2021   | Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo                                                                                                 | 100%              |
| 22  | 21522344 | Nguyễn Quang Minh      | CNCL2021.2 | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNHN                                                                                                                         | 50%               |
| 23  | 21522386 | Cầm Bá Nguyễn          | KHMT2021   | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 24  | 21522530 | Hoàng Tất Quý          | MMTT2021   | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 25  | 21522536 | Nguyễn Phan Trúc Quỳnh | CNCL2021.2 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 26  | 21522546 | Thạch Sang             | KTPM2021   | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 27  | 21522548 | Ma Seo Sầu             | CNTT2021   | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 28  | 21522559 | Trương Hữu Trường Sơn  | MTCL2021   | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNHN                                                                                                                         | 50%               |
| 29  | 22520005 | Nguyễn Văn Thắng       | HTTT2022.1 | Sinh viên khuyết tật                                                                                                                          | 100%              |
| 30  | 22520035 | Võ Đức Phước An        | KHNT2022   | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |



| STT | MSSV     | Họ tên             | Lớp        | Đối tượng                                                                                                                                     | Tỷ lệ Miễn (giảm) |
|-----|----------|--------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 31  | 22520044 | Gia Bảo Anh        | KTPM2022.1 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 32  | 22520239 | Trần Tiến Đạt      | KTPM2022.1 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 33  | 22520318 | Lương Văn Duy      | KHMT2022.1 | Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo                                                                                                 | 100%              |
| 34  | 22520371 | Nguyễn Quốc Hà     | ATT2022.1  | Sinh viên là DTTS rất ít người ở vùng kinh tế- xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn                                                         | 100%              |
| 35  | 22520373 | Nguyễn Trần Mỹ Hà  | HTTT2022.1 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 36  | 22520374 | Phạm Thị Hà        | TMĐT2022.1 | Sinh viên khuyết tật                                                                                                                          | 100%              |
| 37  | 22520433 | Hồ Công Hiếu       | MMTT2022.1 | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNHN                                                                                                                         | 50%               |
| 38  | 22520507 | Lê Nguyễn Hưng     | KHMT2022.2 | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNHN                                                                                                                         | 50%               |
| 39  | 22520582 | Trương Quang Huy   | ATT2022.1  | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 40  | 22520583 | Trương Quốc Huy    | CNTT2022.1 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 41  | 22520665 | Bùi Minh Khoa      | KHMT2022.2 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 42  | 22520760 | Lê Hồ Thanh Linh   | MTIO2022   | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNHN                                                                                                                         | 50%               |
| 43  | 22520919 | Nguyễn Ngô Hải Nam | MMTT2022.2 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 44  | 22520924 | Danh Nat           | MTIO2022   | Sinh viên cử tuyển                                                                                                                            | 100%              |
| 45  | 22520948 | Nguyễn Hiếu Nghĩa  | TMĐT2022.1 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 46  | 22520970 | Lê Cao Nguyên      | KHMT2022.3 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |



| STT | MSSV     | Họ tên                 | Lớp        | Đối tượng                                                                                                                                     | Tỉ lệ Miễn (giảm) |
|-----|----------|------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 47  | 22521012 | Dương Vi Khắc Nhật     | CNTT2022.2 | Sinh viên cử tuyển                                                                                                                            | 100%              |
| 48  | 22521052 | Nguyễn Ngô Hoài Như    | HTTT2022.2 | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN                                                                                                                         | 50%               |
| 49  | 22521057 | Lăng Thị Cẩm Nhung     | ATT2022.2  | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 50  | 22521177 | Hà Minh Quân           | ATT2022.2  | Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo                                                                                                 | 100%              |
| 51  | 22521210 | Huỳnh Tấn Quốc         | MTIO2022   | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 52  | 22521256 | Phạm Ngọc Sơn          | MMTT2022.3 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 53  | 22521267 | Dương Văn Súa          | HTTT2022.2 | Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo                                                                                                 | 100%              |
| 54  | 22521393 | Tăng Thanh Thiện       | KTPM2022.3 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 55  | 22521426 | Nguy Ngọc Thoáng       | CNTT2022.2 | Sinh viên cử tuyển                                                                                                                            | 100%              |
| 56  | 22521450 | Alăng Minh Thuật       | KTPM2022.3 | Sinh viên cử tuyển                                                                                                                            | 100%              |
| 57  | 22521590 | Nguyễn Anh Tú          | KTPM2022.3 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 58  | 22521615 | Triệu Minh Tuấn        | KTPM2022.3 | Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo                                                                                                 | 100%              |
| 59  | 22521641 | Nguyễn Đăng Hương Uyên | CNTT2022.2 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 60  | 22521667 | Hứa Xuân Vinh          | CNTT2022.2 | Sinh viên cử tuyển                                                                                                                            | 100%              |
| 61  | 22521699 | Hoa Phạm Chấn Vương    | CNTT2022.2 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 62  | 22521712 | Poloong Xim            | CNTT2022.2 | Sinh viên cử tuyển                                                                                                                            | 100%              |
| 63  | 23520023 | Nguyễn Xuân An         | KHMT2023.1 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 64  | 23520080 | Trần Thị Ngọc Anh      | TMDT2023.1 | Sinh viên khuyết tật                                                                                                                          | 100%              |



| STT | MSSV     | Họ tên                | Lớp        | Đối tượng                                                                                                                                     | Tỉ lệ Miễn (giảm) |
|-----|----------|-----------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 65  | 23520217 | Nguyễn Dương Đại      | TMĐT2023.1 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 66  | 23520254 | Ngô Tiến Đạt          | KTMT2023.1 | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN                                                                                                                         | 50%               |
| 67  | 23520287 | Trần Ngọc Điềm        | HTTT2023.1 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 68  | 23520294 | Phùng Quốc Đoàn       | CNTT2023.1 | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |
| 69  | 23520356 | Thái Bình Dương       | HTTT2023.1 | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN                                                                                                                         | 50%               |
| 70  | 23520375 | Nguyễn Hữu Khánh Duy  | TTNT2023   | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN                                                                                                                         | 50%               |
| 71  | 23520417 | Nguyễn Minh Hải       | KHMT2023.1 | Sinh viên khuyết tật                                                                                                                          | 100%              |
| 72  | 23520463 | Nguyễn Thị Thanh Hiền | HTTT2023.1 | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN                                                                                                                         | 50%               |
| 73  | 23520500 | Phạm Kim Ngân Hmők    | TMĐT2023.1 | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |
| 74  | 23520661 | Tô Hữu Huỳnh          | HTTT2023.1 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 75  | 23520710 | Thiên Phúc Khang      | CNTT2023.1 | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |
| 76  | 23520874 | Hán Dương Long        | CNTT2023.1 | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |
| 77  | 23520877 | Lê Bảo Long           | TTNT2023   | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN                                                                                                                         | 50%               |
| 78  | 23520966 | Thạch Vía Sa Na       | KTMT2023.2 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 79  | 23520992 | Lê Ngọc Phương Nga    | CNNB2023.2 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 80  | 23521131 | Trần Thị Hoàng Nhung  | CNNB2023.2 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 81  | 23521152 | Đặng Dương Phi        | TTNT2023   | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |
| 82  | 23521189 | Triệu Đại Phú         | KTPM2023.2 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |



| STT | MSSV     | Họ tên               | Lớp        | Đối tượng                                                                                                                                     | Tỉ lệ Miễn (giảm) |
|-----|----------|----------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 83  | 23521234 | Nguyễn Huy Phước     | KHTN2023   | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 84  | 23521332 | Đỗ Như Quỳnh         | TMDT2023.2 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 85  | 23521420 | Đinh Phan Quốc Thắng | KTPM2023.3 | Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo | 70%               |
| 86  | 23521521 | Sơn Ngọc Thone       | KTPM2023.3 | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |
| 87  | 23521626 | Lê Nữ Khánh Trang    | KTPM2023.3 | Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN                                                                                                                         | 50%               |
| 88  | 23521686 | Phú Nữ Quốc Trung    | CNTT2023.2 | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |
| 89  | 23521737 | Cao Đăng Tùng        | KTMT2023.2 | Con thương binh                                                                                                                               | 100%              |
| 90  | 23521767 | Siêm Phi Va          | KTPM2023.3 | Sinh viên hệ cử tuyển                                                                                                                         | 100%              |

Tổng số sinh viên được miễn, giảm học phí: 90 sinh viên./.

Người lập bảng KT.TRƯỞNG PHÒNG CTSV

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Tường Vi



KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Minh Phương

Nguyễn Tấn Trần Minh Khang

